

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

RIHANNA S3

Giày bảo h ộ c ổ thấp k iểu **dáng** th ể **thao cho** bạn nữ **năng** độ n g

Giày an t giày thấp RIHANNA l l n g tính điệ n và ch ố n g
n độ bền và giúp ừ cho bàn chân khô ráo và mát m è .



T22

Những vật liệu cao cấp hơn	da hành động nubuck
lót bên trong	i tái chế lưới
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủng
ngoài Đ	Philon/cao su
u Đứng đầ	Nhôm
i Loạ	S3 / SRC
Phạm vi kích thước	EU 36-42 / UK 3.5-8.0 / US 6.0-10.5 JPN 22.5-26.5 / KOR 235-270
ng lượng thép	0.488 kg
ản hiêu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011





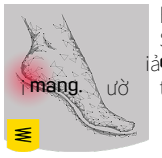
S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi ẩm cao và bẩn. Những đôi giày này cũng bảo vệ ngón chân, đế và nghiền nát bàn chân.



Mũi giày an toàn bằng **nhôm**
Mũi giày an toàn bằng nhôm thay thế mũi giày thép cao nhẹ hơn thép 30-50%). Mũi giày nhôm có lý tưởng cho giày an toàn thể thao. Trọng lượng mũi giày nhôm khoảng 50-60 gram.



SJ Flex
Vật liệu chống đâm thủng không và chứa kim thép. Vật liệu không Bảo vệ 100% chống



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân cảm ường hoặc chạy lên cơ thể ng
mang. ười



Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
Ngăn không tiếp xúc lâu dài



chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn a điện tích tĩnh phát chúng bảo rằng cách ện trở giữa 100 Ohm và 1 GigaOhm

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n:

lĩnh vực ô tô, Hoá h ọạch b , Xây dựng, Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rưu ờn ngoài khô ớt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp phù hợp. Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết quả	đơn vị đo lường
Nhữ n g vật l iệu **da hành** độ n g **nubuck cao** cấp h ơn				
	Top: khả năng thấm hơi nước	? 0.8	1.2	mg/cm/giờ
	Top: hiệu suất hơi nước	? 15	15.8	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** chế			
	Lớp lót: thấm hơi nước	? 2	115.7	mg/cm/giờ
	lót: hiệu suất hơi nước	? 20	925.9	mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)				
ệ m chân	Đ ộ bền mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12600	25600/12600	chu kỳ
goài Đ	**Philon/cao su**			
	Chỉ số trượt (mài mòn)	? 150	140.9	mm
a đế ngoài SRA- gót chân		? 0.28	0.40	ma sát
a đế ngoài SRA- Phần g		? 0.32	0.35	ma sát
a đế ngoài SRB- gót chân		? 0.13	0.15	ma sát
ặc đế ngoài SRB- phần g		? 0.18	0.18	ma sát
ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n		0.1 - 1000	16.2	megaohm
ị ESD Giá t		0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l ượng gót chân của	? 20	25	J
Đ ứ n g đầ **Nhôm**				
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	13.0	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	15.0	mm

kích thước thép: 38

a chúng tôi không chịu trách nhiệm về thay đổi và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự miêu t ả	ết quả	đơn vị đo lường
i **CO# hát** thả			
	V ật l iệu	0.00	kg
	Bao bì	0.00	kg
		0.00 kg CO2/cặp	

	Sự miêu t ả	ết quả	K
ệ vật l Tiệ ý **tái** ch ế			
	Bao bì	70%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] và có thể thay đổi.